

Xếp hạng tín dụng nội bộ đối với doanh nghiệp trong hoạt động ngân hàng

ThS. NGUYỄN CẢNH HIỆP

Xếp hạng tín dụng nội bộ là gì?

Thông thường, một ngân hàng cấp tín dụng cho rất nhiều doanh nghiệp (khách hàng). Những doanh nghiệp này có đặc điểm khác nhau về quy mô, tổ chức, sở hữu, lĩnh vực và mục tiêu hoạt động... Do đó, rủi ro tín dụng của mỗi doanh nghiệp là không giống nhau. Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra đối với mọi ngân hàng là phải có biện pháp quản lý rủi ro đối với tất cả khách hàng, và để thuận tiện cho việc áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với đặc điểm mỗi khách hàng, các ngân hàng phải phân loại khách hàng thành những nhóm có đặc điểm tương đồng nhau.

Việc phân loại khách hàng có thể được thực hiện thông qua sử dụng kết quả đánh giá về khách hàng cần phân loại của một bên thứ ba (ví dụ: tổ chức định hạng tín nhiệm) hoặc của chính ngân hàng. Trong trường hợp ngân hàng sử dụng kết quả đánh giá của chính mình để phân loại khách hàng thì việc phân loại đó được gọi là xếp hạng tín dụng (XHTD) nội bộ; và những công cụ, cách thức và quy trình mà ngân hàng sử dụng để thực hiện việc phân loại khách hàng được gọi chung là hệ thống XHTD nội bộ (Internal Credit Rating System).

Các chỉ tiêu chính để xây dựng hệ thống XHTD nội bộ

Để có thể xếp hạng đối với mỗi doanh nghiệp, ngân hàng phải đánh giá năng lực của doanh nghiệp đó trên một số phương diện (thuộc tính) nhất định và chấm điểm chi tiết cho từng thuộc tính (chủ yếu là năng lực tài chính và năng lực sản xuất kinh doanh; ngoài ra còn xem xét một số yếu tố liên quan khác như: quy mô, ngành nghề, hình thức sở hữu...). Tổng số điểm đạt được của doanh nghiệp

phụ thuộc vào kết quả chấm điểm của ngân hàng đối với từng thuộc tính và tầm quan trọng của thuộc tính đó (theo cách nhìn nhận của ngân hàng) trong việc phản ánh năng lực của doanh nghiệp. Do vậy, để tính toán chính xác số điểm đạt được của doanh nghiệp, ngân hàng phải xây dựng một hệ thống chỉ tiêu đánh giá các mặt năng lực cụ thể của doanh nghiệp và một hệ thống trọng số đo lường ảnh hưởng của từng chỉ tiêu đến kết quả đánh giá năng lực doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu đánh giá được phân chia thành hai bộ chỉ tiêu riêng biệt (gồm bộ chỉ tiêu tài chính - dùng để phản ánh năng lực tài chính và bộ chỉ tiêu phi tài chính - dùng để phản ánh năng lực sản xuất kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp); mỗi bộ chỉ tiêu gồm một số chỉ tiêu tổng hợp (ví dụ, bộ chỉ tiêu tài chính thường bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp: thanh khoản, hoạt động, tự tài trợ, sinh lời), mỗi chỉ tiêu tổng hợp gồm một số chỉ tiêu chi tiết (ví dụ, chỉ tiêu thanh khoản thường bao gồm các chỉ tiêu chi tiết: khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tức thời).

Trên cơ sở những thông tin thu thập được về các phương diện năng lực của doanh nghiệp tương ứng với các chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu tài chính và bộ chỉ tiêu phi tài chính, ngân hàng lần lượt chấm điểm cho tất cả các chỉ tiêu chi tiết. Từ số điểm ban đầu của từng chỉ tiêu chi tiết, ngân hàng xác định tổng số điểm đạt được của doanh nghiệp căn cứ vào số điểm đạt được của từng chỉ tiêu và các trọng số tính điểm tương ứng. Thông thường, các ngân hàng thiết kế thang điểm để tổng hợp tổng số điểm đạt được của doanh nghiệp với mức thấp nhất là 0 điểm và mức cao nhất là 100 điểm. Việc

xác định tổng số điểm của doanh nghiệp có thể được mô hình hoá qua công thức dưới đây:

$$S = k \sum_{i=1}^m a_i \sum_{j=1}^{n_i} \alpha_{ij} A_{ij} + l \sum_{i=1}^p b_i \sum_{j=1}^{q_i} \beta_{ij} B_{ij}$$

Trong đó:

- S là tổng số điểm đạt được của doanh nghiệp, S [0, 100].

- k là trọng số tính điểm của bộ chỉ tiêu tài chính; l là trọng số tính điểm của bộ chỉ tiêu phi tài chính. Việc xác định k và l phụ thuộc vào đánh giá của ngân hàng về độ tin cậy của báo cáo tài chính mà doanh nghiệp cung cấp và phải thoả mãn điều kiện $(k + l) = 100\%$. Thông thường, với những doanh nghiệp đã kiểm toán báo cáo tài chính thì k có giá trị lớn hơn so với những doanh nghiệp chưa kiểm toán báo cáo tài chính. Ví dụ, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) xác định cặp giá trị (k, l) đối với các doanh nghiệp có báo cáo tài chính đã được kiểm toán là (55%, 45%), còn đối với các doanh nghiệp có báo cáo tài chính chưa được kiểm toán là (40%, 60%).

- a_i là trọng số tính điểm của chỉ tiêu tài chính tổng hợp thứ i; b_i là trọng số tính điểm của chỉ tiêu phi tài chính tổng hợp thứ i. Các trọng số này được xác định dựa trên kết quả thống kê của ngân hàng về mức độ ảnh hưởng của chỉ tiêu tương ứng đến khả năng vỡ nợ của doanh nghiệp (Probability of Default).

- α_{ij} là trọng số tính điểm của chỉ tiêu tài chính chi tiết thứ j thuộc chỉ tiêu tài chính tổng hợp thứ i; β_{ij} là trọng số tính điểm của chỉ tiêu phi tài chính chi tiết thứ j thuộc chỉ tiêu phi tài chính tổng hợp thứ i. Các trọng số này cũng được xác định dựa trên kết quả thống kê về khả năng vỡ nợ của doanh nghiệp, tương tự như ai và bi.



Thông qua XHTD nội bộ, ngân hàng để ra và áp dụng chính sách cho vay đối với khách hàng phù hợp với kết quả xếp hạng của khách hàng đó

- A_j là điểm ban đầu của chỉ tiêu tài chính chi tiết thứ j thuộc chỉ tiêu tài chính tổng hợp thứ i; B_{ij} là điểm ban đầu của chỉ tiêu phi tài chính chi tiết thứ j thuộc chỉ tiêu phi tài chính tổng hợp thứ i.

- m là số lượng chỉ tiêu tài chính tổng hợp (hay số lượng chỉ tiêu tổng hợp của bộ chỉ tiêu tài chính); p là số lượng chỉ tiêu phi tài chính tổng hợp (hay số lượng chỉ tiêu tổng hợp của bộ chỉ tiêu phi tài chính).

- ni là số lượng chỉ tiêu tài chính chi tiết thuộc chỉ tiêu tài chính tổng hợp thứ i; qi là số lượng chỉ tiêu phi tài chính chi tiết thuộc chỉ tiêu phi tài chính tổng hợp thứ i.

Từ kết quả tính toán theo công thức trên, doanh nghiệp được ngân hàng xếp vào hạng tương ứng trên nguyên tắc tổng số điểm đạt được càng lớn thì thứ hạng của doanh nghiệp càng cao. Chẳng hạn, ở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), các doanh nghiệp có S [0, 35] được xếp hạng thấp nhất (hạng D), còn các doanh nghiệp được xếp hạng cao nhất (hạng AAA) phải có S [90, 100].

Vai trò của XHTD nội bộ

Vai trò của XHTD nội bộ nói chung và XHTD doanh nghiệp nói riêng đã được nghiên cứu tương đối nhiều và hầu hết các nghiên cứu đều khẳng định XHTD nội bộ có vai trò rất quan trọng trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển không ngừng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, vai trò của XHTD nội bộ cũng ngày càng được nâng cao và thực tiễn đã chứng minh rằng, không chỉ có vai trò trong các nghiệp vụ tín dụng, XHTD nội bộ còn quan trọng đối với toàn bộ hoạt

động của ngân hàng. Tầm quan trọng của XHTD nội bộ được thể hiện trên hai phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, XHTD nội bộ là nền tảng để quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng tín dụng.

- Thông qua XHTD nội bộ, ngân hàng để ra và áp dụng chính sách cho vay đối với khách hàng phù hợp với kết quả xếp hạng của khách hàng đó. Chính sách cho vay được áp dụng đối với khách hàng bao gồm rất nhiều nội dung: mức vốn cho vay tối đa, lãi suất cho vay, tỷ lệ bảo đảm tiền vay... Những nội dung này sẽ là không giống nhau giữa các doanh nghiệp được XHTD khác nhau, cho dù các doanh nghiệp đó có cùng lĩnh vực kinh doanh, quy mô hoạt động và loại hình sở hữu.

- XHTD nội bộ là cơ sở để phân loại nợ chính xác và trích dự phòng rủi ro phù hợp với nhóm nợ. Theo thông lệ quốc tế, việc phân loại nợ không chỉ dựa vào thời gian quá hạn của khoản nợ mà phải dựa vào đánh giá của ngân hàng về khả năng thu hồi khoản nợ đó. Việc chấm điểm các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính trong XHTD nội bộ thực chất là một công việc nhằm lượng hoá năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh và trả nợ của doanh nghiệp, do đó cung cấp cơ sở tin cậy để ngân hàng đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ, từ đó giúp ngân hàng phân loại nợ chính xác và trích dự phòng rủi ro phù hợp với mức độ rủi ro tín dụng của khoản nợ.

- Kết quả phân loại doanh nghiệp theo các mức xếp hạng khác nhau giúp ngân hàng xây dựng các chính sách và quy trình tín dụng một cách đồng bộ, rõ

ràng và chi tiết, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai các chính sách và quy trình này, góp phần nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí hoạt động của ngân hàng.

Thứ hai, XHTD nội bộ là cơ sở để ngân hàng mở rộng hoạt động kinh doanh.

- Hệ thống XHTD nội bộ cung cấp cho ngân hàng những thông tin quan trọng về năng lực và nhu cầu của các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau, về đặc điểm môi trường kinh doanh và rủi ro của các ngành nghề... từ đó giúp ngân hàng thiết kế các sản phẩm tín dụng phù hợp với đặc điểm của từng ngành sản xuất kinh doanh để thu hút khách hàng.

- Thông tin thu thập được về doanh nghiệp thông qua hệ thống XHTD nội bộ cũng giúp ngân hàng thấy rõ khả năng, nhu cầu cũng như những nét đặc trưng trong hoạt động của doanh nghiệp để từ đó có thể cung ứng các sản phẩm dịch vụ phi tín dụng (dịch vụ thanh toán, ngân quỹ, tư vấn về quản trị kinh doanh và quản lý tài chính doanh nghiệp...) cho các doanh nghiệp này hoặc mở rộng huy động vốn từ các doanh nghiệp có nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi...

Xuất phát từ vai trò quan trọng nói trên, việc xây dựng hệ thống XHTD nội bộ (mà trong đó XHTD doanh nghiệp là một cấu phần quan trọng) để phục vụ công tác quản lý rủi ro tín dụng và hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh luôn giành được sự quan tâm, không chỉ của riêng bản thân các ngân hàng mà còn của chính cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng. Ở Việt Nam, ngay từ năm 2005, Ngân

hàng Nhà nước đã yêu cầu các ngân hàng trong vòng 3 năm phải xây dựng hệ thống XHTD nội bộ để hỗ trợ cho việc phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp với phạm vi hoạt động, tình hình thực tế của ngân hàng; đồng thời Ngân hàng Nhà nước cũng chỉ chấp thuận cho các ngân hàng thực hiện chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo phương pháp định tính sau khi đã xây dựng được hệ thống XHTD nội bộ phù hợp với hoạt động kinh doanh, đối tượng khách hàng, tính chất rủi ro của khoản nợ của ngân hàng và đã áp dụng thử nghiệm hệ thống đó tối thiểu một năm. Từ năm 2011, việc xây dựng và ban hành quy định về hệ thống XHTD nội bộ đã được luật hoá (Luật các Tổ chức tín dụng 2010) và trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với mọi ngân hàng.

Vấn đề đặt ra trong XHTD đối với doanh nghiệp

Mặc dù XHTD nội bộ có vai trò quan trọng như đã phân tích ở trên và việc phân loại, xếp hạng khách hàng không còn là vấn đề mới mẻ đối với các tổ chức tín dụng nhưng trong thực tế không phải ngân hàng nào ở Việt Nam cũng có thể xây dựng được cho mình một hệ thống XHTD nội bộ đủ mạnh để hỗ trợ quản lý rủi ro tín dụng một cách hữu hiệu. Bên cạnh nguyên nhân khách quan do tính phức tạp vốn có của XHTD hoặc do sự thiếu vắng một văn bản pháp lý quy định thống nhất về cách thức xây dựng hệ thống XHTD doanh nghiệp thì sự yếu

kém trong XHTD của các ngân hàng còn bắt nguồn từ khó khăn trong việc thu thập thông tin phục vụ phân loại và xếp hạng doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Nhiều khách hàng vay vốn của các ngân hàng là những doanh nghiệp mới thành lập, do đó thông tin ban đầu về các khách hàng này thường không nhiều và ngân hàng không đủ cơ sở để đánh giá tính ổn định về năng lực của khách hàng, đặc biệt là năng lực tài chính. Việc đánh giá năng lực doanh nghiệp dựa trên những thông tin thiếu tính lịch sử sẽ khó lòng mang lại cho ngân hàng một kết quả phân loại chính xác.

- Khả năng thu thập đầy đủ và chính xác thông tin về doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng phụ thuộc rất nhiều vào thiện chí hợp tác của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế thì "thiện chí" của khách hàng, đặc biệt là những khách hàng đã hoàn tất việc rút vốn, lại chẳng mấy khi thoả mãn được kỳ vọng của ngân hàng. Trong khi đó, các ngân hàng lại không được trang bị một công cụ nào đủ mạnh để tạo được sức ép đối với doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin.

- Ngoài nghiệp vụ cấp tín dụng (mà trong đó cho vay là hình thức chủ yếu) thì những dịch vụ tài chính khác mà các ngân hàng cung cấp cho doanh nghiệp (huy động vốn, dịch vụ ngân quỹ, dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại tệ...) nhìn chung khá đơn điệu và không đóng góp về chất lượng giữa các ngân hàng, do đó

mức độ sử dụng của doanh nghiệp đối với các dịch vụ này tại nhiều ngân hàng còn hạn chế. Vì vậy, nhiều ngân hàng gần như không thể thực hiện được việc thu thập và đánh giá thông tin về uy tín và năng lực của doanh nghiệp thông qua các nghiệp vụ này mà phải dựa vào các nguồn thông tin thu thập từ bên ngoài, vừa thiếu tin cậy vừa không đảm bảo tính kinh tế (do phải tốn chi phí cho việc thu thập thông tin).

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều ngân hàng hiện tại còn khá nghèo nàn và chưa sử dụng rộng rãi các phần mềm tin học hiện đại để hỗ trợ khai thác và quản lý thông tin về khách hàng; do đó, chất lượng thông tin đầu vào của hệ thống XHTD nội bộ bị hạn chế và ảnh hưởng xấu đến chất lượng XHTD đối với doanh nghiệp...

Những khó khăn trên đây nếu không được xử lý thấu đáo thì sẽ làm cho công việc XHTD doanh nghiệp, vốn dĩ là một việc làm bình thường trong hoạt động tín dụng, lại trở thành một thách thức không dễ vượt qua đối với các ngân hàng.

Tuy nhiên, để giải quyết được những vấn đề trên đây, bên cạnh nỗ lực của các ngân hàng trong việc nâng cao năng lực nội tại của mình (đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ; hiện đại hoá hệ thống công nghệ thông tin phục vụ thu thập và quản lý thông tin về doanh nghiệp...), các ngân hàng cũng rất cần nhận được hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý nhà nước, trong đó đặc biệt là việc sớm ban hành văn bản quy định thống nhất việc xây dựng hệ thống XHTD nội bộ, đồng thời có cơ chế tạo hành lang pháp lý thuận lợi-đảm bảo cho việc khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý khách hàng, chẳng hạn: sử dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp làm công cụ điều chỉnh hành vi của các doanh nghiệp vay vốn trong việc cung cấp thông tin cho ngân hàng; cho phép các ngân hàng được khai thác thông tin về doanh nghiệp từ cơ sở dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước như Tài chính, Hải quan, Thuế, Đăng ký doanh nghiệp... để phục vụ XHTD đối với doanh nghiệp ■



Việc đánh giá năng lực doanh nghiệp dựa trên những thông tin thiếu tính lịch sử sẽ khó lòng mang lại cho ngân hàng một kết quả phân loại chính xác